

Số **18**

## **Doanh Nghiệp Vùng Ngoại Vi:**

**Một nghiên cứu về Phát triển Khu vực  
Kinh tế Tư nhân ở địa bàn ngoài các Tỉnh  
và Thành phố phát triển của Việt Nam**

Edmund J. Malesky

Tháng 11 năm 2004



Chương Trình Phát Triển Kinh Tế Tư Nhân

---

## LỜI CẢM ƠN

Trong chuyên đề nghiên cứu này về khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam, tôi đã dựa trên nhiều kết quả nghiên cứu được các tác giả khác thực hiện đã lâu trước khi tôi tiến hành nghiên cứu về đề tài này. Tôi xin đặc biệt cảm ơn sự đóng góp của ông Mario Fischel - Chương trình Phát triển Kinh tế Tư nhân (MPDF), ông Andrew Steer - Ngân hàng Thế giới Văn phòng Hà Nội, ông Deepak Khanna - Tập Đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) Văn phòng Hà Nội, và AusAID, cơ quan tài trợ cho việc thực hiện nghiên cứu này.

Trong khi tôi còn đang hình dung các khía cạnh trọng yếu của khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam, bà Nguyễn Phương Quỳnh Trang - MPDF, bà Amanda Carlier - Ngân hàng Thế giới, và ông Stoyan Tenev - IFC đã hình thành ý niệm về nghiên cứu về khu vực kinh tế tư nhân này, phác thảo phương pháp nghiên cứu trên nhiều góc độ, và bắt đầu tiến hành điều tra. Sự chủ động và lòng nhiệt tình của họ trong suốt quá trình tiến hành nghiên cứu là rất đáng khâm phục. Tôi đã có cơ hội làm việc trực tiếp với Amanda trong một phần khác của dự án này và đã học hỏi được rất nhiều từ kiến thức của bà về sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân trong so sánh tương đối với các quốc gia khác. Những hiểu biết của bà về mối quan hệ giữa khu vực kinh tế tư nhân và chính quyền cấp tỉnh thành rất hữu ích đối với phân tích của tôi về chất lượng quản lý trong Chương 5.

Tương tự như vậy, phần lớn công việc thực địa vất vả đã được hoàn thành trước khi tôi tham gia nghiên cứu. Ông Ligang Song và ông Đoàn Hồng Quang ở Trường Kinh tế và Quản lý Châu Á Thái Bình Dương (APSEM), thuộc Đại học Quốc gia Australia, thiết kế cả hai công cụ điều tra, tiến hành đào tạo đội ngũ thực hiện phỏng vấn, và đích thân tiến hành một số điều tra và phỏng vấn chính thức. Phần lớn các công việc điều tra tại các tỉnh thành và công việc hành chính của dự án do Viện Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) tiến hành dưới sự chỉ đạo của ông Trần Kim Hào và ông Võ Trí Thành. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đối với họ và với các đồng nghiệp của họ về những hỗ trợ và sự tham gia của họ vào dự án này. Tôi cũng xin đặc biệt cảm ơn bà Đinh Hiền Minh vì những nỗ lực của bà trong việc nhập dữ liệu, nếu không có những nỗ lực này thì phần dự án liên quan đã không thể thực hiện được.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất của mình tới bà Nguyễn Phương Quỳnh Trang về ý tưởng thực hiện so sánh cụ thể giữa các tỉnh thành ngoại vi và các tỉnh thành phát triển của Việt Nam, đề nghị tôi tiến hành phân tích, đưa ra các bình phẩm hữu ích và mang tính xây dựng trong quá trình thực hiện, và hỗ trợ tôi suốt quá trình tiến hành dự án. Tôi đặc biệt tâm đắc những lần chúng tôi thảo luận sôi nổi khi phân tích một số kết quả phức tạp thu được từ điều tra.

Bà Võ Châu Giang, với tư cách là tư vấn độc lập cho MPDF, đã đóng góp quan trọng vào hầu như toàn bộ các khía cạnh của dự án, từ thiết kế điều tra cho tới viết một số phần trong báo cáo kỹ thuật của dự án. Một khía cạnh nhỏ trong vai trò của bà Giang trong dự án này là việc bà đã cùng với tôi thực hiện một cuộc khảo sát kéo dài hai tuần tới các tỉnh thành vùng ngoại vi để tiến hành phỏng vấn chính thức và điều tra sâu hơn về các nội dung trả lời của doanh nghiệp. Tôi đặc biệt đánh giá cao sự hỗ trợ chuyên

môn của bà Giang, trong việc phiên dịch khi tôi nói tiếng Việt không chuẩn xác, và xây dựng một cơ sở dữ liệu nhằm ghi lại các kết quả từ các cuộc phỏng vấn chính thức các cơ quan chính quyền cấp tỉnh thành. Gần như toàn bộ các hộp thoại nội dung phỏng vấn trong báo cáo này đều là sản phẩm của việc xây dựng cơ sở dữ liệu này.

Ông Soneath Hor và ông Dương Thành Trung đã đưa ra các nhận xét hữu ích và sắc bén đối với bản dự thảo đầu tiên của báo cáo này. Ông Nick Freeman và ông Nguyễn Văn Làn xứng đáng được đề cập đến một cách đặc biệt do việc hai ông đã cẩn thận đọc báo cáo và đưa ra những lời khuyên hết sức cụ thể. Tôi áp dụng ngay chín mươi phần trăm các khuyến nghị hết sức hữu ích của các ông vào chỉnh sửa báo cáo. Mười phần trăm còn lại cũng hữu ích tương đương, nhưng đòi hỏi nỗ lực nghiên cứu sâu hơn, do đó tôi xin giữ lại các khuyến nghị này cho một dự án trong tương lai với quy mô của một cuốn sách (có lẽ với hai tập). Ông Markus Taussig, bà Liesbet Steer, ông Đỗ Đức Định, và ông Vũ Quốc Huy cũng đã đưa ra những khuyến nghị quan trọng vào nhiều phần của dự án này, mặc dù họ chưa từng đọc toàn bộ bản thảo.

Ông Đinh Tuấn Việt, một chuyên gia kinh tế tại Ngân hàng Thế giới Văn phòng Hà Nội, đã hết sức nhiệt tình giúp tôi hiểu biết rõ hơn về quản lý nhà nước và quá trình phát triển kinh tế cấp tỉnh thành. Hơn thế nữa, và mặc dù không nằm trong nhiệm vụ của mình, ông đã đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ tiến hành một số phỏng vấn sơ bộ ở một số tỉnh. Nhiều lần ông Việt đã giúp tôi tránh khỏi sự lúng túng khi các câu hỏi phỏng vấn của tôi đối với các cán bộ quản lý nhà nước tỏ ra không phù hợp.

Cuối cùng, tôi xin được cảm ơn Quỹ David Boren Fellowship cho việc tài trợ cho nghiên cứu của tôi tại Việt Nam và tạo điều kiện cho tôi tham gia vào dự án này, Viện Kinh tế Thế giới (và đặc biệt là ông Nguyễn Văn Triên) cho việc bảo lãnh thời gian tôi ở Việt Nam và viết rất nhiều thư giới thiệu tôi với các cấp chính quyền địa phương, và ông Kazi Martin, người đầu tiên đã tuyển tôi vào làm việc với tư cách là nhà tư vấn cho Ngân hàng Thế giới và giới thiệu tôi với Ban quản lý của dự án này.

Tất cả các thiếu sót và sai lệch trong phân tích này là của riêng tôi.

---

# MỤC LỤC

<b>LỜI CẢM ƠN</b>	i
<b>TÓM TẮT BÁO CÁO</b>	ix
<b>GIỚI THIỆU</b>	1
<b>CHƯƠNG I. BỐI CẢNH CỦA DỰ ÁN NGHIÊN CỨU</b>	5
1.1 Một vài giới thiệu về các tỉnh thành ngoại vi	5
1.2 Phương pháp luận	8
<b>CHƯƠNG II. CÁC ĐIỀU KIỆN BAN ĐẦU VÀ TẬP HỢP CÁC "TỈNH THÀNH NGOẠI VI" ĐƯỢC CHỌN MẪU</b>	11
2.1 Các điều kiện ban đầu	11
2.2 Mô tả chung về các doanh nghiệp được chọn mẫu trong điều tra năm 2002	15
<b>CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP</b>	27
3.1. Lợi nhuận	27
3.2. Mức độ khai thác năng lực sản xuất	29
3.3. Vị thế tài chính	29
3.4. Tăng trưởng lao động	31
3.5. Doanh thu	31
<b>CHƯƠNG IV. MÔI TRƯỜNG THỊ TRƯỜNG Ở CÁC TỈNH THÀNH NGOẠI VI</b>	33
4.1. Hoạt động bán hàng	33
4.2. Các nguồn nguyên vật liệu đầu vào	37
4.3. Cạnh tranh	41
<b>CHƯƠNG V. CÁC QUAN ĐIỂM VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TẠI ĐỊA PHƯƠNG VÀ MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ</b>	49
5.1. Tình hình thực thi Luật doanh nghiệp	49
5.2. Các chính sách sử dụng đất	51
5.3. Tính minh bạch và trách nhiệm	56
5.4. Chi phí giao dịch về mặt thời gian	59
5.5. Cơ cấu giải quyết tranh chấp	62
5.6. Tính năng động của tỉnh thành	64

<b>CHƯƠNG VI. VỊ THẾ TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP</b>	67
6.1. Các nguồn huy động vốn ở các tỉnh thành ngoại vi: Sự chiếm ưu thế của tín dụng không chính thức	67
6.2. Tín dụng ngân hàng	70
<b>CHƯƠNG VII. VAI TRÒ CỦA BẠN BÈ VÀ GIA ĐÌNH TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG KHIẾM KHUYẾT THỊ TRƯỜNG</b>	75
7.1. Những khiếm khuyết thị trường được bạn bè và gia đình giải quyết	75
7.2. Bạn bè và gia đình cung cấp các loại hình dịch vụ nào cho doanh nghiệp?	77
7.3. So sánh gia đình với thị trường thương mại cung cấp các dịch vụ kinh doanh	78
7.4. Các yếu tố phân biệt hoạt động cung cấp dịch vụ kinh doanh	79
<b>CHƯƠNG VIII. PHÂN TÍCH TỔNG HỢP VỀ CÁC TỈNH THÀNH NGOẠI VI</b>	81
8.1. Hải Phòng	81
8.2. Long An	81
8.3. Hà Tây	82
8.4. Thừa Thiên Huế	82
8.5. Thanh Hóa	83
8.6. Nam Định	84
<b>CHƯƠNG IX. KẾT LUẬN</b>	85
9.1. Kết luận chung	85
9.2. Đề xuất cho các nghiên cứu tiếp theo	87
<b>MỘT SỐ TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	89
<b>PHỤ LỤC</b>	91

---

## DANH SÁCH CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ VÀ BẢN ĐỒ

Bảng 1:	Đóng góp của năm tỉnh thành phát triển vào tổng thể nền kinh tế	1
Bảng 2:	Cơ cấu kinh tế cấp tỉnh thành năm 1997	12
Bảng 3:	Cơ sở hạ tầng và khoảng cách tới thị trường năm 1997	14
Bảng 4:	Nguồn nhân lực năm 1998	15
Bảng 5:	Loại hình pháp lý của các doanh nghiệp chọn mẫu trong điều tra qua thư	18
Bảng 6:	Loại hình pháp lý của các doanh nghiệp chọn mẫu trong điều tra qua phỏng vấn Giám đốc doanh nghiệp	19
Bảng 7:	Tập hợp các doanh nghiệp theo quy mô tổng tài sản	21
Bảng 8:	Trị số trung bình về quy mô tài sản và lao động theo loại hình doanh nghiệp và theo địa theo tỉnh thành	22
Bảng 9:	Phân bố về ngành của các doanh nghiệp theo tỉnh thành	24
Bảng 10:	Trị số trung bình về năm thành lập và năm đăng ký kinh doanh theo tỉnh thành	26
Bảng 11:	Tỷ lệ thu hồi trên vốn (ICOR)	28
Bảng 12:	Mức độ khai thác năng lực sản xuất bình quân theo thời gian, đơn vị phần trăm	29
Bảng 13:	Vị thế tài chính của doanh nghiệp	30
Bảng 14:	Số lượng lao động bình quân ở mỗi doanh nghiệp theo thời gian, đơn vị phần trăm	31
Bảng 15:	Kết quả doanh thu	32
Bảng 16:	Các khách hàng chính theo tỉnh thành	33
Bảng 17:	Các nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào chính theo tỉnh thành	38
Bảng 18:	Các nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu chính theo tỉnh thành	40
Bảng 19:	Đối thủ cạnh tranh chính theo tỉnh thành	42
Bảng 20:	Lợi thế cạnh tranh chính	43
Bảng 21:	Các trang thiết bị chính của doanh nghiệp được đặt ở đâu?	55
Bảng 22:	Doanh nghiệp có được đất đai bằng cách nào?	56
Bảng 23:	Tính minh bạch và trách nhiệm	58
Bảng 24:	Chi phí giao dịch (thời gian)	60
Bảng 25:	Chi phí trực tiếp thông qua các khoản thanh toán và quà biếu	61
Bảng 26:	Cơ quan nào giúp doanh nghiệp giải quyết tranh chấp?	63
Bảng 27:	Tại sao doanh nghiệp không nhờ đến hệ thống tòa án để giải quyết tranh chấp?	64
Bảng 28:	Cơ cấu vốn tại thời điểm hiện tại	68
Bảng 29:	Cơ cấu vốn tại thời điểm thành lập	68
Bảng 30:	Các nguồn vốn vay theo tỉnh thành	69
Bảng 31:	Tỷ lệ vay vốn ngân hàng thành công trong năm năm gần đây	71
Bảng 32:	Tầm quan trọng của gia đình và bạn bè trong việc giải quyết các vấn đề quan trọng	76
Bảng 33:	Các dịch vụ kinh doanh do gia đình và bạn bè cung cấp	78
Bảng A-1:	Tỷ lệ hồi âm của điều tra qua thư và phỏng vấn Giám đốc doanh nghiệp	92

Hình 1:	Các doanh nghiệp trong khu vực kinh tế tư nhân đang hoạt động, trên 1000 dân, năm 2000	5
Hình 2:	Đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân chính thức vào tổng lực lượng lao động	6
Hình 3:	Tỷ lệ phần trăm các doanh nghiệp có liên doanh với chính quyền địa phương hoặc với các doanh nghiệp nhà nước (DNNN)	9
Hình 4:	Quy mô bình quân của doanh nghiệp theo tỉnh thành, theo quy mô tài sản và số lượng lao động	20
Hình 5:	Năm đăng ký kinh doanh tại Ủy ban Nhân dân hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh thành	26
Hình 6:	Trị số trung bình của lợi nhuận trên đầu lao động	28
Hình 7:	Tỷ lệ phần trăm các doanh nghiệp với 100% doanh thu từ thị trường trong nước	36
Hình 8:	Tỷ lệ phần trăm các doanh nghiệp cấp tín dụng cho khách hàng	37
Hình 9:	Các nguồn nguyên vật liệu đầu vào	39
Hình 10:	Đối thủ cạnh tranh chính của doanh nghiệp có nhận được hỗ trợ từ chính quyền địa phương hay không?	44
Hình 11:	Các hình thức hỗ trợ cho các đối thủ cạnh tranh chính	46
Hình 12:	Nếu đối thủ cạnh tranh chính là một DNNN, liệu DNNN này có nhận được hỗ trợ từ chính quyền hay không?	47
Hình 13:	Tình hình thực thi Luật doanh nghiệp (các rào cản gặp phải ở cấp tỉnh thành)	51
Hình 14:	Nếu có thể có được cấp đất dễ dàng hơn, doanh nghiệp sẽ ...	52
Hình 15:	Sở hữu Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất	54
Hình 16:	Các tỉnh thành minh bạch đến mức nào, thể hiện qua biến số về tính minh bạch?	58
Hình 17:	Tỷ lệ phần trăm các doanh nghiệp có tranh chấp về hợp đồng trong năm năm vừa qua	62
Hình 18:	Tỷ lệ phần trăm các doanh nghiệp xin vay vốn, nhưng nhận được ít hơn một nửa số vốn xin vay	71
Hình 19:	Các lý do vì sao doanh nghiệp không thể tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng	73
Hình 20:	Mức độ nghiêm trọng của việc thiếu khả năng tiếp cận các nguồn vốn phi ngân hàng trong quá trình tăng trưởng	74
Hình 21:	Các khiếm khuyết của thị trường do gia đình và bạn bè giải quyết (theo khu vực)	76
Hình 22:	Các khiếm khuyết của thị trường do gia đình và bạn bè giải quyết (theo nhóm tỉnh thành)	77
Hình 23:	Các nhân tố trong việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ kinh doanh	79
Bản đồ:	Bản đồ Việt Nam, đánh dấu 1 số tỉnh thành ngoại vi	7

---

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

APSEM	Trường Kinh tế và Quản lý Châu Á Thái Bình Dương
AUSAID	Cơ quan Phát triển Australia
BOT	Hợp đồng xây dựng – vận hành – chuyển giao (hình thức hợp danh giữa nhà nước và tư nhân)
CEO	Giám đốc Điều hành (được sử dụng trong báo cáo này để chỉ chủ sở hữu hay Tổng Giám đốc doanh nghiệp)
CIEM	Viện Quản lý Kinh tế Trung ương
DNNNTU	Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương
STC	Sở Tài chính
SCN	Sở Công nghiệp
SKH & ĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
FDI	Đầu tư Nước ngoài Trực tiếp
GDP	Tổng sản phẩm Quốc nội
TCTK	Tổng cục Thống kê
TP HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
ICOR	Tỷ lệ sinh lợi trên một đơn vị vốn cận biên
IFC	Công ty Tài chính Quốc tế
NHCT	Ngân hàng Công Thương Việt Nam
KCN	Khu công nghiệp
LD	Liên doanh
TNHH	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
DNNN TDB	Doanh nghiệp Nhà nước tại địa bàn
MTPT TNKM	Mục tiêu Phát triển của Thiên niên kỷ mới
MPDF	Chương trình Phát triển Kinh tế Tư nhân MPDF
BKH & ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
UBND	Ủy ban Nhân dân
PSE	Chỉ số về Môi trường Khu vực Kinh tế Tư nhân
DNVVN	Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
ĐTMTKDVN	Điều tra về Môi trường Kinh doanh ở Việt Nam
VNĐ	Đồng Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới